

Bản án số: 01/2024/DS-ST

Ngày 24-01-2024

Vụ án tranh chấp về thừa kế tài sản và
huỷ GCN quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Quốc Huy.

Hội thẩm nhân dân: ông Hoàng Xuân Trường và bà Phạm Thị Lan.

- **Thư ký phiên toà:** Ông Nguyễn Ngọc Khánh - Thư ký Toà án nhân dân thị xã MH, tỉnh Hưng Yên được phân công tiến hành tổ tụng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên toà:** Ông Nguyễn Mạnh Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 41/2023/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2023 về việc: "Tranh chấp về thừa kế tài sản và huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2023/QĐXXST-DS ngày 20/12/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị C, sinh năm 1956; địa chỉ: Số nhà 02, ngõ 01, đường Phạm Công Trứ, tổ dân phố Phố B, phường B YN, thị xã MH, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà C: Ông Nguyễn Khắc A, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn An Chiểu 2, xã LP, thành phố HY, tỉnh Hưng Yên (có mặt).

2. Bị đơn: Cụ Đỗ Thị M, sinh năm 1948; và anh Đỗ Quang T, sinh năm 1988. Người đại diện theo uỷ quyền của cụ M: Anh Đỗ Quang T, sinh năm 1988 và chị Trần Thị Hồng G, sinh năm 1990; đều có địa chỉ: Tổ dân phố MH, phường B YN, thị xã MH, tỉnh Hưng Yên (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1953; địa chỉ: Thôn Tứ Cờ, xã Ngũ Thái, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

- Bà Đỗ Thị Ngọc, sinh năm 1968; địa chỉ: Bản Pa Nậm Cúm, xã Ma Li Pho, huyện P, tỉnh Lai Châu.

- Ông Đào Văn K, sinh năm 1964 và chị Đào Thị M.A, sinh năm 1987; địa

chỉ: Thôn Thọ Vực, xã Nghĩa Trụ, huyện VG, tỉnh Hưng Yên.

- Chị Trần Thị Hồng Gấm, sinh năm: 1990; Địa chỉ: Tổ dân phố MH, phường BYN, thị xã MH, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Hải, bà Ngọc, ông Kha, chị Mai Anh: Ông Nguyễn Khắc Anh; địa chỉ: Thôn An Chiêu 2, xã Liên Phương, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên (có mặt).

- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên; trụ sở: Số 437 Nguyễn Văn Linh, phường Hiến Nam, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên. Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Trần Thị Ban – Giám đốc chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã MH, tỉnh Hưng Yên (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn bà Đỗ Thị C thể hiện: Bố mẹ bà là cụ Đỗ Đình N (tên gọi khác: Đỗ Đình L) sinh năm 1931 (chết năm 2015) và cụ Lê Thị Th, sinh năm 1930 (chết năm 1982) có 04 người con chung là bà Đỗ Thị H, sinh năm 1953; bà Đỗ Thị C, sinh năm 1956; bà Đỗ Thị N, sinh năm 1962 và bà Đỗ Thị N2, sinh năm 1968. Bà Đỗ Thị N3, chết năm 1987, có chồng là ông Đào Văn K và có 01 người con là chị Đào Thị M.A.

Sinh thời, cụ Nhân và cụ Thác có 264m² đất ở và nhà ở tại tổ dân phố C.H, phường B YN, thị xã MH, tỉnh Hưng Yên.

Năm 1982, cụ Th chết không để lại di chúc. Cụ Nhân quản lý và sử dụng nhà đất. Năm 1987, cụ Nhân kết hôn với cụ Đỗ Thị M và sinh được 1 người con chung là anh Đỗ Quang T. Cả gia đình vẫn sinh sống tại thửa đất nêu trên.

Năm 2007, cụ Nhân lập di chúc với nội dung: Cụ Nhân cho bà Đỗ Thị Ngọc thừa kế 87m² đất, anh T thừa kế 177m² đất.

Năm 2015, cụ Nhân chết, cụ M và anh T quản lý và sử dụng tài sản.

Năm 2022 bà Ngọc cư trú ở miền núi, điều kiện kinh tế khó khăn nên muốn về quê sinh sống. Bà Ngọc đề nghị cụ M và anh T chia cho 1 phần diện tích đất như di chúc của cụ Nhân để lại nhưng nội bộ gia đình không thống nhất được. Do đó, bà C khởi kiện đề nghị Tòa án chia thừa kế theo di chúc của cụ Nhân lập ngày 14/10/2007. Trường hợp di chúc của cụ Nhân không hợp pháp thì bà C đề nghị chia thừa kế theo pháp luật. Quá trình giải quyết nguyên đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên cấp cho anh Đỗ Quang T ngày 11/6/2021.

Lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn là bà Đỗ Thị Ngọc, bà Đỗ Thị Hải, ông Đào Văn Kha, chị Đào Thị Mai Anh và người đại diện theo uỷ quyền của những người có tên trên là ông Nguyễn Khắc Anh: thống nhất với lời khai và nội dung yêu cầu khởi kiện của bà C như trên.

Bị đơn cụ Đỗ Thị M và anh Đỗ Quang T trình bày: Cụ M kết hôn hợp pháp với cụ Nhân năm 1987 và sinh được 1 người con chung là anh Đỗ Quang T. Trước đó cụ Nhân đã có vợ là cụ Thắc và có 4 người con như nguyên đơn trình bày. Cả gia đình sinh sống tại thửa đất có từ trước khi cụ M lấy cụ Nhân. Quá trình quản lý, sử dụng cụ Nhân và cụ M đã đăng ký, kê khai và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2014. Năm 2021 cụ M và anh T đã tiến hành kê khai di sản thừa kế của cụ Nhân. Năm 2021 anh T đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cụ M và anh T thừa nhận khi cụ Nhân còn sống có lập di chúc chia đất cho bà Ngọc và anh T nhưng đến nay gia đình không tìm thấy bản di chúc đó. Khi bà Ngọc về yêu cầu chia đất nhưng gia đình chưa thống nhất được. Do đó, cụ M và anh T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chị Trần Thị Hồng Gấm là vợ anh T nhất trí nội dung trình bày của cụ M và anh T như trên.

Theo tài liệu do đương sự và Chi nhánh VPĐKĐĐ thị xã MH cung cấp, quá trình đăng ký, kê khai, biến động của thửa đất như sau:

- Theo bản đồ 299 năm 1986 thửa đất có diện tích 264m² đất tại thửa số 271, tờ bản đồ số 01 tổ dân phố Cộng Hoà, phường B YN, thị xã MH, tỉnh Hưng Yên đứng tên cụ Đỗ Đình Lào (tức cụ Đỗ Đình Nhân).

- Bản đồ đo vẽ năm 2001 được chỉnh lý thành thửa số 384, tờ bản đồ số 15, diện tích 264m² đứng tên cụ Đỗ Đình Nhân.

- Ngày 31/12/2013 cụ Đỗ Đình Nhân và cụ Đỗ Thị M được UBND huyện MH (nay là thị xã MH) cấp Giấy CNQSD đất số BK 923552, số vào sổ: CH 00793 đối với thửa đất số 384, tờ bản đồ số 15, diện tích 264m²; mục đích sử dụng: đất ở tại đô thị.

- Bản đồ đo đạc năm 2018 thửa đất được chỉnh lý thành thửa số 527, tờ bản đồ số 13, diện tích 272m² đứng tên cụ Đỗ Thị M (lúc này cụ Nhân đã chết).

- Ngày 06/5/2021 cụ Đỗ Thị M và anh Đỗ Quang T lập Văn bản thỏa thuận phân chia và nhường di sản thừa kế, theo đó phần di sản của cụ Nhân để lại là ½ quyền sử dụng đất tại thửa số 384, tờ bản đồ số 15 là thuộc quyền thừa kế của cụ M và anh T, ngoài ra không còn có ai khác thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nhân. Cụ M tự nguyện nhường lại phần tài sản của mình được hưởng thừa kế cho con trai là anh Đỗ Quang T.

- Cùng ngày 06/5/2021 cụ Đỗ Thị M và anh Đỗ Quang T lập Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, theo đó cụ M tự nguyện tặng cho anh T ½ thửa đất số 384, tờ bản đồ số 15. Theo Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và Văn bản thỏa thuận phân chia thừa kế thì anh T có quyền sử dụng toàn bộ thửa đất số 384, tờ bản đồ số 15 diện tích 264m² tại TDP MH, phường B YN, thị xã MH, tỉnh Hưng Yên.

- Ngày 11/6/2021 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 491716 cho anh Đỗ Quang T có quyền sử dụng thửa đất số 527, tờ bản đồ số 13, diện tích 264m².

Quan điểm của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã MH đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu hủy Giấy CNQSD đất của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản kết quả như sau: Thửa đất tranh chấp có diện tích đo thực tế là 268,2m² (tăng 4,2m² so với Giấy CNQSD đất). Tuy nhiên, các đương sự đều xác định tứ cận của thửa đất không thay đổi và không có tranh chấp với các hộ liền kề. Trị giá thửa đất là 8.000.000 đồng/1 m². Trên đất có 01 ngôi nhà xây cấp 4 diện tích 41,4m², bếp, công trình phụ và 1 số cây ăn quả tổng trị giá là 81.812.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận về việc giải quyết vụ án. Ngày 15/6/2023 các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết tranh chấp như sau: Xác nhận di sản thừa kế của cụ Đỗ Đình Nhân và cụ Lê Thị Thắc để lại có diện tích đo thực tế là 268,3m² đất ở đô thị tại TDP MH, phường B YN, thị xã MH. Nay các đương sự thống nhất thỏa thuận phân chia cho anh Đỗ Quang T được hưởng 2/3 thửa đất bằng 185m², bà Đỗ Thị Ngọc được hưởng 1/3 thửa đất bằng 83,2m² (có ranh giới tứ cận cụ thể). Anh T và bà Ngọc không phải thanh toán trả giá trị di sản cho các thừa kế khác. Các tài sản nhà ở, công trình xây dựng, cây trồng nằm trên phần đất của ai được chia thì người đó được hưởng, không ai phải thanh toán trả chênh lệch tài sản. Đồng thời, đề nghị Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho anh Đỗ Quang T ngày 11/6/2021.

Tại phiên tòa:

- Ông Nguyễn Khắc Anh là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đỗ Thị C, bà Đỗ Thị Hải, bà Đỗ Thị Ngọc, ông Đào Văn Kha, chị Đào Thị Mai Anh đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận của các đương sự theo biên bản phân chia di sản ngày 15/6/2023 và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên cấp cho anh Đỗ Quang T ngày 11/6/2021.

- Cụ Đỗ Thị M, anh Đỗ Quang T (bị đơn) và chị Trần Thị Hồng Gấm (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) có đơn xin xét xử vắng mặt và cũng đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận của các đương sự theo biên bản phân chia di sản ngày 15/6/2023 và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên cấp cho anh Đỗ Quang T ngày 11/6/2021.

- Đại diện theo ủy quyền của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX và Thư ký Tòa án từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng. Các đương sự đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Về nội dung vụ án, đại diện VKSND tỉnh Hưng Yên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận thỏa thuận của các đương sự theo Biên bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 15/6/2023 và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên cấp cho anh Đỗ Quang T ngày 11/6/2021.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Đỗ Thị C khởi kiện yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất do bị đơn là bà Đỗ Thị M và anh Đỗ Quang T đang quản lý, sử dụng tại tổ dân phố Cộng Hoà, phường B YN, thị xã MH, tỉnh Hưng Yên; đồng thời đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên đây là vụ án Tranh chấp về thừa kế tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên theo quy định tại khoản 6 Điều 26; khoản 1, 4 Điều 34; điểm a khoản 1 Điều 37; Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

Tại phiên tòa, có mặt ông Nguyễn Khắc Anh là người đại diện theo ủy quyền của bà C, bà Hải, bà Ngọc, ông Kha, chị Mai Anh. Cụ M, anh T và chị Gấm và đại diện theo ủy quyền của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ thừa kế: Cụ Đỗ Đình Nhân (tên gọi khác Đỗ Đình Lào), chết năm 2015 và cụ Lê Thị Thắc, chết năm 1982 sinh được 04 người con chung là bà Đỗ Thị Hải, sinh năm 1953; bà Đỗ Thị C, sinh năm 1956; bà Đỗ Thị Nghĩa, sinh năm 1962 và bà Đỗ Thị Ngọc, sinh năm 1968 nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 của Bộ luật dân sự thì bà Hải, bà C, bà Nghĩa, bà Ngọc là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nhân và cụ Thắc. Bà Nghĩa chết năm 1987 nên ông Kha và chị Mai Anh là người được hưởng thừa kế chuyển tiếp của bà Nghĩa đối với phần di sản của cụ Thắc và chị Mai Anh là người thừa kế thế vị của bà Nghĩa đối với phần di sản của cụ Nhân trong trường hợp di sản thừa kế được chia theo pháp luật.

Cụ Đỗ Đình Nhân và bà Đỗ Thị M kết hôn tự nguyện theo Chứng nhận kết hôn ngày 22/01/1987. Anh Đỗ Quang T là con chung của cụ Đỗ Đình Nhân và bà Đỗ Thị M nên anh T thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nhân, cùng với bà Hải, bà C, bà Ngọc và chị Mai Anh (thế vị).

[3] Xét về di sản: Các đương sự đều thừa nhận cụ Nhân và cụ Thắc có thừa đất thổ cư diện tích 264m² (đo thực tế là 268,2m²) tại Tổ dân phố MH, phường B YN. Năm 1982 cụ Thắc chết, cụ Nhân là người quản lý, sử dụng và kê khai quyền sử dụng đất. Năm 1987 cụ Nhân kết hôn với cụ M, hai cụ tiếp tục quản lý, sử dụng

và kê khai quyền sử dụng đất. Năm 2015 cụ Nhân chết, cụ M và anh T đã làm thủ tục khai nhận di sản và chuyển quyền cho anh T đứng tên toàn bộ thửa đất. Như vậy, xét về nguồn gốc thì thửa đất trên có cả phần di sản mà bà C, bà Hải, bà Nghia, bà Ngọc được hưởng thừa kế của cụ Thắc và cụ Nhân. Việc cụ M và anh T lập Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế và Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 06/5/2021, theo đó di sản cụ Nhân để lại là $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng đất, cụ M được quyền định đoạt $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng đất để sang tên cho anh T mà chưa có ý kiến của các thừa kế là con chung giữa cụ Nhân và cụ Thắc là bỏ sót người thừa kế, ảnh hưởng quyền lợi của họ. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thống nhất thỏa thuận chia cho anh T và bà Ngọc được hưởng toàn bộ thửa đất, theo đó anh T được hưởng 185 m², bà Ngọc được hưởng 83,2m²; anh T và bà Ngọc không phải thanh toán trả giá trị di sản cho các thừa kế khác. Các tài sản, cây trồng nằm trên phần đất của ai được chia thì người đó được hưởng, không phải thanh toán trả về giá trị tài sản trên đất cho nhau.

Ranh giới tứ cận thửa đất mà anh T và bà Ngọc được hưởng như sau:

- Anh T được hưởng 185 m²: Phía Bắc giáp đường dài (7,23 + 0,17 + 0,36 + 0,13 + 1,1)m; Phía Đông giáp phần đất chia cho bà Ngọc dài 20,59m; Phía Tây giáp nhà ông Đàm dài (1,21 + 12,35)m và giáp đất nhà bà Ninh dài (2,71 + 3,35)m; Phía Nam giáp: Nhà bà Ninh dài (0,24 + 0,16 + 0,23 + 3,83)m và nhà anh Tuấn, chị Quyên dài (4,21 + 1,06 + 0,34)m.

+ Bà Ngọc được hưởng 83,2m²: Phía Bắc giáp đường (1,97 + 2,03)m; Phía Đông giáp nhà bà Chinh dài (14,02 + 0,29 + 4,66 + 0,73 + 2)m; Phía Tây giáp phần đất chia cho anh T dài 20,59m; Phía Nam giáp nhà anh Tuấn, chị Quyên dài 4m.

Xét thấy, việc thỏa thuận của các đương sự trong vụ án như đã nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội; diện tích đất các đương sự thỏa thuận phân chia là 268,2m² (tăng lên 4,2m² so với Giấy CNQSD đất) hoàn toàn phù hợp với việc quản lý, sử dụng trên thực tế và không có tranh chấp với các hộ liên kề nên Tòa án sẽ ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[4] Xét yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Ngày 11/6/2021 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 491716 cho anh Đỗ Quang T có quyền sử dụng 264m² đất tại thửa số 527, tờ bản đồ số 13 thuộc TDP MH, phường B YN. Xét thấy, việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cơ sở thỏa thuận giữa cụ M và anh T mà chưa có ý kiến của các thừa kế khác là chưa phù hợp với quy định của pháp luật như nhận xét ở trên. Vì vậy, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để các đương sự thực hiện việc đăng ký, kê khai theo nội dung thỏa thuận được ghi nhận tại bản án này là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí: Các đương sự thỏa thuận về việc phân chia di sản trước khi mở phiên tòa nên phải chịu 50% mức án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần di sản

được hưởng, cụ thể anh T được hưởng 185m² đất trị giá là 1.480.000.000 đồng (8.000.000đ/1m²) và án phí là $56.400.000/2 = 28.200.000$ đồng. Bà Ngọc được hưởng 83,2m² đất trị giá là 665.600.000đ và án phí là $30.624.000/2 = 15.312.000$ đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 5 Điều 26, khoản 1, 4 Điều 34; điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 39, Điều 211, Điều 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 32 Luật Tố tụng hành chính; Các điều 149, 611, 612, 613, 614, 618, 623, 651, 652, 659 và 668 của Bộ luật Dân sự; Điểm d khoản 2 Điều 106; điểm d khoản 1 Điều 169 Luật Đất đai; Khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự và người đại diện theo ủy quyền của các đương sự xác nhận thừa đất số 527, tờ bản đồ số 13, TDP MH, phường B YN, thị xã MH, tỉnh Hưng Yên có diện tích đo thực tế là 268,2m² là di sản thừa kế của cụ Đỗ Đình Nhân và cụ Lê Thị Thắc để lại và phân chia như sau:

1.1. Anh Đỗ Quang T được quản lý, sử dụng 185m², có ranh giới tứ cận: Phía Bắc giáp đường bê tông dài (7,23 + 0,17 + 0,36 + 0,13 + 1,10)m; Phía Đông giáp phần đất chia cho bà Ngọc dài 20,59m; Phía Tây giáp nhà ông Đàm dài (1,21 + 12,35)m và giáp đất nhà bà Ninh dài (2,71 + 3,35)m; Phía Nam giáp nhà bà Ninh dài (0,24 + 0,16 + 0,23 + 3,83)m và nhà anh Tuấn, chị Quyên dài (4,21 + 1,06 + 0,34)m.

1.2. Bà Đỗ Thị Ngọc được quản lý, sử dụng 83,2m², ranh giới tứ cận: Phía Bắc giáp đường (1,97 + 2,03)m; Phía Đông giáp nhà bà Chinh dài (14,02 + 0,29 + 4,66 + 0,73 + 2,00)m; Phía Tây giáp phần đất chia cho anh T dài 20,59m; Phía Nam giáp nhà anh Tuấn, chị Quyên dài 4,00m.

1.3. Anh Đỗ Quang T, bà Đỗ Thị Ngọc không phải thanh toán trả giá trị di sản cho các thừa kế khác.

Tài sản là nhà ở, công trình xây dựng, cây cối, hoa màu trên đất của ai được chia thì người đó được hưởng, không bên nào phải thanh toán trả cho nhau hoặc trả cho đương sự khác giá trị tài sản trên đất.

Có sơ đồ phân chia đất và tài sản trên đất kèm theo.

2. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CX491716 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên cấp cho anh Đỗ Quang T ngày 11/6/2021.

Anh Đỗ Quang T và bà Đỗ Thị N có quyền, nghĩa vụ làm thủ tục đăng ký, kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đối với diện tích đất được chia theo quyết định của bản án này.

3. Về án phí: Anh T phải chịu 28.200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; bà Ngọc phải chịu 15.312.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Cục THADS tỉnh Hưng Yên;
- Lưu: VP; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Quốc Huy